| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẮK R'LẤP**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 68/2022/HS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Lương

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Hoành và ông Phạm Văn Hậu

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Chính là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lê Thị Hoài A**, sinh năm 1990, tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phúc G và bà Võ Thị M; chồng là Lê Công L và có 02 con, con lớn nhất 13 tuổi, con nhỏ nhất 7 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2022 đến ngày 19/8/2022, hiện tại ngoại, có mặt

*Bị hại*: Ông Nguyễn Trung A, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2019, Lê Thị Hoài A có nợ chị Nguyễn Thị Thùy D số tiền 50.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, A không có khả năng trả nợ nên đã nhiều lần đến gặp chị D để xin gia hạn, tuy nhiên đến khoảng tháng 4/2019, chị D không đồng ý cho A tiếp tục gia hạn nợ và yêu cầu A trả tiền ngay cho chị D.

Sau nhiều lần trao đổi qua điện thoại không thành, ngày 04/4/2019, A bắt taxi từ thị trấn K xuống cơ sở kinh doanh của chị D tại thôn 3, xã N xin gia hạn tiếp thời hạn trả nợ, nhưng chị D vẫn không đồng ý. Sau khi không được chị D đồng ý thì A ra đi bộ về hướng thành phố G, đi bộ được khoảng 500m thì A nhìn thấy phía bên trái đường có 01 cơ sở kinh doanhh dịch vụ cho thuê xe của anh Nguyễn Trung A , A vào gặp anh Phan Quốc A2 hỏi thuê 01 chiếc xe mô tô tự lái.

Sau khi trao đổi xong thì A làm thủ tục thuê 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69 (có kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phan Thị T). Hai bên lập một hợp đồng thuê xe với giá 80.000 đồng/ngày, thời hạn cho thuê xe là 30 ngày. Sau khi thuê được xe, A điều khiển xe đi lên nhà bà Lê Thị H tại tổ 1, phường N, TP G, tỉnh Đắk Nông để hỏi mượn tiền về trả cho chị D nhưng không mượn được tiền nên quay về. Trên đường đi về qua thôn 11, xã N, A nhìn thấy bên phải đường có tiệm cầm đồ "9999", do anh Nguyễn Đức T làm chủ nên đã nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô BKS: 48B1-569.69 vào đây cầm cố lấy tiền để trả nợ. A chạy xe vào tiệm cầm đồ "9999" đề cập việc cầm cố chiếc xe với giá 50.000.000 đồng. anh Nguyễn Đức T thấy A vào cầm xe, do đang bận công việc nên anh T giao cho nhân viên nam giới tên T1 (không rõ nhân thân lai lịch) ra làm thủ tục cầm cố chiếc xe cho A, anh T1 lấy giấy tờ xe từ A rồi đưa vào cho anh T xem và nói A muốn cầm chiếc xe này với giá 50.000.000 đồng, lúc đầu anh T thấy xe không chính chủ (không phải tên của A) nên không đồng ý cầm, nhưng A nói là xe của gia đình nên anh T đồng ý cầm chiếc xe cho A và viết hợp đồng cầm cố ghi lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Sau khi viết xong hợp đồng cầm cố chiếc xe cho anh T với thời hạn 30 ngày thì A nhận số tiền 50.000.000 đồng mang đến trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thùy D rồi đi về nhà.

Sau khi cầm cố chiếc xe thì A có chuyển trả tiền lãi cho anh T 02 lần (tổng số tiền 3.000.000 đồng), nhưng khi hết thời hạn thuê xe thì bị anh Trung A hối thúc việc trả xe, sau nhiều lần gia hạn việc chuộc xe về trả cho anh Trung A, nhưng A không có khả năng chuộc xe nên đã bỏ trốn xuống TP. Hồ Chí Minh, đồng thời thay đổi số điện thoại và các thông tin liên lạc qua mạng xã hội. Ngày 28/8/2019 anh Trung A gửi đơn tố cáo đến Công an huyện Đắk R'Lấp. Ngày 26/9/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk R'Lấp khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với Lê Thị Hoài A. Ngày 08/11/2019 A đến Công an huyện Đắk R'Lấp đầu thú và được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú. Sau khi áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú Lê Thị Hoài A tiếp tục bỏ trốn, ngày 02/8/2022, A bị bắt tại phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định truy nã. Quá trình điều tra, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30/KLHĐĐG ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk R'Lấp kết luận: Giá trị

chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69, tại thời điểm chiếm đoạt là 76.000.000 đồng.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.

- 01 hợp đồng thuê xe (có nội dung thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69) thể hiện người thuê xe là Lê Thị Hoài A; 01 hợp đồng cầm cố xe (có nội dung cầm cổ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69, với giá 50.000.000 đồng) thể hiện người cầm cố xe là Lê Thị Hoài A.

Cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 26-10-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp để xét xử Lê Thị Hoài A về tội*:"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Hoài A khai nhận như khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi bị cáo thực hiện, thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp đưa vụ án ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Thị Hoài A từ 09 đến 12 tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Trung A nên ngày 25/10/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk R'Lấp ra Quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 25 tháng 10 năm 2019 trả lại các tài sản trên cho anh Trung A.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Trung A, sau khi nhận lại tài sản và nhận thêm số tiền 10.000.000 đồng từ việc cho thuê xe; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T nhận số tiền 50.000.000 đồng của Lê Thị Hoài A, không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định:

Ngày 04/4/2019 Lê Thị Hoài A làm hợp đồng thuê chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69 của anh Nguyễn Trung A tại thôn 3, xã N, huyện Đ, để đi hỏi mượn tiền về trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thùy D. Do không mượn được tiền nên cùng ngày, Lê Thị Hoài A đã mang xe mô tô BKS: 48B1-569.69 đi cầm cố cho anh Nguyễn Đức T tại thôn 11, xã N, huyện Đ lấy số tiền 50.000.000 đồng mang về trả cho chị D. Hết thời hạn thuê xe do không có khả năng chuộc lại xe, nên A đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản. Tại thời điểm chiếm đoạt chiếc xe có trị giá 76.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Do đó cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 26-10-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp đề nghị truy tố bị cáo về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự:

"*1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) ...*

*b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a) ...*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*

[3]. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên với ý thức coi thường pháp luật và muốn có tiền để trả nợ nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã, gây ra không ít khó khăn cho quá trình xử lý tội phạm và người phạm tội. Do đó cần có hình phạt phù hợp, nhằm giáo dục răn đe người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

[4]. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục, bồi thường cho cho bị hại, cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị hại, người liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về quyết định hình phạt*:* Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của người phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cũng cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo thì mới đủ tác dụng giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

[6]. Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[7] Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, xét quan điểm về đường lối xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[8]. Việc xử lý vật chứng: Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe, đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Trung A nên ngày 25/10/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk R'Lấp ra Quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 25 tháng 10 năm 2019 trả lại các tài sản trên cho anh Nguyễn Trung A là có căn cứ cần chấp nhận.

[9]. *Về án phí:* Bị cáo Lê Thị Hoài A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Căn cứ điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Hoài A phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*

Xử phạt **Lê Thị Hoài A** 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2022 đến ngày 19/8/2022.

**2. Việc xử lý vật chứng**: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk R'Lấp ra Quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 25 tháng 10 năm 2019 trả lại chiếc mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS: 48B1-569.69, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Nguyễn Trung A.

**3. Về án phí Hình sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Thị Hoài A phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo**: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan tới quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAD tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- CA huyện Đắk R'Lấp;
- THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS,VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Phan Văn Lương**